

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC

*

Số 36 -HD/BTCTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2005

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức
cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể**

Thực hiện Quyết định số 128 -QĐ/TW ngày 14 ngày 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương (khoá IX) về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể; Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Cán bộ giữ chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm); cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc Đảng, Mặt trận và đoàn thể quản lý từ Trung ương đến cơ sở.
- Cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể cơ sở, cấp trên cơ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp, công ty nhà nước; cán bộ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn.

II. VỀ CHUYỂN XẾP LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Căn cứ khoản 1 Điều 6, Quyết định số 128- QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương quy định: “việc chuyển xếp lương, nâng bậc lương và áp dụng chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể thực hiện theo quy định chung”, nay hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

1. Việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể (kể cả cán bộ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể ở xã, phường, thị trấn) thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 01/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ – Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, viên chức đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc Đảng, Mặt trận và đoàn thể quản lý; cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể cơ sở, cấp trên cơ sở công ty nhà nước thực hiện theo

Thông tư số 01/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và công nhân, viên chức, nhân viên trong các công ty nhà nước theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

3. Về chế độ phụ cấp

a) Thực hiện phụ cấp chức vụ lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm):

- Trên cơ sở các bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể ban hành (kèm theo) Quyết định 128-QĐ/TW ngày 14 ngày 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương, Nghị định 204/2004/NĐ-CP và 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể Trung ương và địa phương có trách nhiệm rà soát các chức danh trong cơ cấu tổ chức bộ máy để áp dụng chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

- Đối với tổ chức, đơn vị sự nghiệp, sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc Mặt trận và các đoàn thể quản lý: Chủ tịch Mặt trận, Trưởng đoàn thể Trung ương căn cứ mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo ở tổ chức, đơn vị tương ứng cùng cấp của Đảng, Nhà nước để quy định cụ thể mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh thuộc phạm vi quản lý sau khi có thoả thuận của Ban Tổ chức Trung ương.

b) Thực hiện các chế độ phụ cấp khác:

Ngoài chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo nêu trên, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể áp dụng các chế độ phụ cấp tương ứng quy định đối với từng khu vực theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng Nhà nước.

III. MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CẦN LƯU Ý KHI CHUYỂN XẾP LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP

Do đặc điểm công tác Đảng, Mặt trận và đoàn thể có một số trường hợp cần lưu ý khi chuyển xếp lương và phụ cấp.

A. Về chuyển xếp lương một số trường hợp

1. Đối với các chức danh lãnh đạo thuộc diện xếp lương mới theo bảng lương chức danh lãnh đạo Đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương:

- Căn cứ vào hệ số lương cũ và phụ cấp tái cử (nếu có) của chức danh lãnh đạo hiện đảm nhiệm để chuyển xếp vào hệ số lương mới của chức danh lãnh đạo đó theo bảng chuyển xếp số 1 ban hành kèm theo hướng dẫn này.

- Đối với chức danh Bí thư Thành uỷ Hà Nội và thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, trong Quyết định số 128 - QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương không quy định mức lương, phụ cấp chức vụ mà tùy nhân sự cụ thể để xếp mức lương tương ứng với mức lương: Trưởng ban Đảng Trung ương, Bí thư Trung ương hay Ủy viên Bộ Chính trị.

- Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản xếp mức lương tương đương Trưởng ban Đảng Trung ương, bậc 1 hệ số 9,70; trường hợp có phụ cấp thâm niên tái cử 5% trở lên thì xếp vào bậc 2 hệ số 10,30.

- Chức danh Phó Bí thư thành uỷ Hà Nội, thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh xếp mức lương bậc 1 hệ số 9,70; trường hợp có phụ cấp thâm niên tái cử 5% trở lên thì xếp vào bậc 2 hệ số 10,30.

Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) có mức lương tương đương mức lương bộ trưởng (8,2), nay chuyển ngang sang mức lương tương ứng, bậc 1 hệ số 9,70; trường hợp có phụ cấp thâm niên tái cử 5% trở lên thì xếp vào bậc 2 hệ số 10,30.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn A, nguyên Bộ trưởng, có mức lương hệ số 8,2 (6/2001), điều động làm Phó trưởng ban đảng Trung ương thì chuyển xếp sang mức lương mới tương ứng bậc 1, hệ số 9,70 (từ 01 tháng 10 năm 2004). Thời gian tính xếp bậc 2 hệ số 10,30 theo nhiệm kỳ 5 năm kể từ khi xếp mức lương cũ 8,2.

2. Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể hiện hưởng mức lương bầu cử thuộc diện xếp lương mới theo ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo:

Căn cứ vào hệ số lương cũ (không bao gồm phụ cấp tái cử) và thời gian giữ mức lương cũ của chức danh lãnh đạo hiện đảm nhiệm để chuyển xếp sang lương mới vào ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) theo bảng chuyển xếp số 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này và cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo hiện đảm nhiệm.

Ví dụ 2: Đồng chí Đoàn Văn K, hiện là Bí thư huyện uỷ huyện M, đã xếp lương cũ hệ số 5,20 theo bảng lương chức vụ cơ quan Đảng ở địa phương từ ngày 01 tháng 10 năm 2001, nay chuyển xếp sang lương mới từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 theo ngạch, bậc công chức hành chính và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo Bí thư huyện uỷ như sau:

Lấy hệ số lương cũ 5,20 của đồng chí K chuyển xếp vào bậc 5 mới ngạch chuyên viên chính hệ số 5,76. Thời gian giữ hệ số lương cũ (5,20) của đồng chí K từ ngày 01 tháng 10 năm 2001 đến ngày chuyển xếp lương mới 01 tháng 10 năm 2004 (đủ 3 năm giữ bậc và không trong thời gian bị kỷ luật) nên đồng chí K được xếp lên 1 bậc (bậc 6) hệ số 6,10 và hưởng phụ cấp chức vụ Bí thư huyện uỷ hệ số 0,80. Thời gian nâng bậc lần sau của đồng chí K được tính từ 01 tháng 10 năm 2004.

3. Tiền lương của cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể ở công ty nhà nước:

- Việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với chức danh: Bí thư đảng uỷ chuyên trách áp dụng bảng lương của Tổng giám đốc, Giám đốc; Phó Bí thư

đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn chuyên trách áp dụng bảng lương của Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc công ty nhà nước cùng hạng. Như vậy, cán bộ, viên chức được bầu giữ các chức danh nêu trên, căn cứ vào hệ số lương cũ và hệ số chênh lệch (nếu có) để xếp vào bậc 1 hoặc bậc 2 tương ứng với chức danh nêu trên. Trường hợp mức lương hiện hưởng thấp hơn bậc 1 thì xếp vào bậc 1 tương ứng, nếu cao hơn bậc 1 thì xếp vào bậc 2 chức danh tương ứng.

- Theo quy định tại Quyết định số 69-QĐ/TW ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương (khoá VII): Cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể ở cơ sở doanh nghiệp nhà nước xếp lương theo bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ của doanh nghiệp (Nghị định số 26/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ). Trong thực tế một số trường hợp đã xếp lương theo bảng lương hành chính (Nghị định số 25/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ) nay chuyển xếp sang lương mới áp dụng như chuyển xếp đối với thành viên Ban kiểm soát và viên chức giúp việc Hội đồng quản trị theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 02/2005/TTLT-BLDTBXH-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Nội vụ.

4. Ngoài tiền lương, các chế độ phụ cấp, khen thưởng, phúc lợi (nếu có) của cán bộ Đảng, đoàn thể ở công ty nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan thực hiện theo quy định chung đối với từng khu vực.

Tiền lương cán bộ chuyên trách Đảng, đoàn thể ở công ty nhà nước được tính vào đơn giá tiền lương và hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh và do công ty chi trả. Riêng tiền lương cơ bản của cán bộ chuyên trách công đoàn do quỹ công đoàn đài thọ.

5. Chuyển xếp lương đối với cán bộ Hội Cựu chiến binh:

a) Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) chuyên trách Hội trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 từ Trung ương đến cấp huyện: ngoài lương hưu và 90% của mức lương chuẩn và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đoàn thể cùng cấp, được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu để bằng 90% mức lương chuyển xếp và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của các chức danh đoàn thể cùng cấp theo bảng chuyển xếp số 1 và 2 ban hành kèm theo hướng dẫn này (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

Ví dụ 3: Trường hợp thiếu tướng Lê Văn B - được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam trước ngày 01 tháng 10 năm 2004, được hưởng thêm một khoản chênh lệch để bằng 90% mức lương chuyển xếp và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức vụ Phó Chủ tịch đoàn thể Trung ương (hệ số 7,64 so với mức lương chuẩn hệ số 6,20). Như vậy, đồng chí B hưởng lương là:

$$\text{Tiền lương} = 290.000đ [90\% \times (6,20 + 1,25)] + 290.000đ [90\% \times (7,64 - 6,20)] = 2.320.290đ/\text{tháng}.$$

- Các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) chuyên trách Hội từ Trung ương đến huyện sau ngày 01 tháng 10 năm 2004, thực hiện việc chuyển xếp

lương như các đoàn thể (theo ngạch, bậc hành chính và phụ cấp chức vụ lãnh đạo) trên cơ sở bảng mức lương chuẩn áp dụng đối với các chức vụ lãnh đạo Hội Cựu chiến binh từ Trung ương đến cấp huyện ban hành kèm theo Quyết định số 128-QĐ/TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương và các quy định hiện hành (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

- Chức danh Ủy viên Thư ký Hội Cựu chiến binh các cấp (nếu có) được áp dụng bằng 90% mức lương chuẩn của cấp phó Hội Cựu chiến binh và phụ cấp chức vụ lãnh đạo của chức danh Ủy viên chuyên trách các đoàn thể cùng cấp (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

b) Đối với cựu chiến binh trong danh sách trả lương thuộc chỉ tiêu biên chế được duyệt làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ ở các bộ phận tham mưu cơ quan Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện (nếu có): Theo quy định, ngoài lương hưu, được hưởng lương không vượt quá 90% mức lương chuẩn của cấp phó lãnh đạo trực tiếp cùng cấp (không phải đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế).

Ví dụ 4: Thượng tá Bùi Ngọc D - được bố trí làm cán bộ chuyên môn thuộc Hội Cựu chiến binh tỉnh N. Theo quy định ngoài lương hưu, mức lương đồng chí D hưởng không vượt quá 90% mức lương chuẩn của cấp Phó trưởng ban lãnh đạo trực tiếp. Mức lương chuẩn cấp Phó trưởng Ban được quy định bằng bậc 3 chuyên viên (hệ số 3,00). Như vậy, đồng chí Bùi Ngọc D hưởng lương là:

$$\text{Tiền lương} = 290.000 [90\% \times 3,00] = 783.000^d/\text{tháng}.$$

Mức tiền lương cụ thể của từng cựu chiến binh làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ ở mỗi cấp do Chủ tịch Hội cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh quy định sau khi có sự thỏa thuận với Ban Tổ chức cấp uỷ cùng cấp.

B. Thực hiện chế độ phụ cấp đối với một số trường hợp

1. Phụ cấp chức vụ (chênh lệch):

- Đối với các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, trong trường hợp khuyết cấp trưởng, khi cấp phó hoặc người có quyết định (bằng văn bản) giao quyền hoặc phụ trách cấp trưởng thì được hưởng mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo (chênh lệch) của chức vụ hoặc mức lương cấp trưởng (nếu cấp trưởng hưởng lương chức vụ).

- Trong hệ thống tổ chức Mặt trận và các đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện, có cơ cấu (trong cùng hệ thống tổ chức), Trưởng đoàn thể cấp tỉnh là uỷ viên thường vụ, uỷ viên đoàn chủ tịch đoàn thể ở Trung ương, thì được áp dụng hệ số chênh lệch (giữa phụ cấp chức danh uỷ viên thường vụ, uỷ viên đoàn Chủ tịch,... với phụ cấp chức danh đang đảm nhiệm), trừ các trường hợp hưởng lương chức vụ.

Ví dụ 5: Đồng chí Lê Thị K - Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh H, là uỷ viên Đoàn chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (trong cùng hệ thống tổ

chức) đồng chí được hưởng hệ số chênh lệch 0,15 (giữa chức danh uỷ viên đoàn chủ tịch 1,05 so với chức danh Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh 0,9). Nguồn kinh phí do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chi trả.

2. Phụ cấp trách nhiệm công việc:

Ngoài đối tượng được hưởng phụ cấp trách nhiệm công việc theo hướng dẫn chung của cơ quan chức năng Nhà nước, còn một số trường hợp sau:

- Đối với trợ lý giúp việc các chức danh đứng đầu Đảng và Nhà nước: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội và Uỷ viên Bộ Chính trị, được phụ cấp trách nhiệm (1,25). Nếu trợ lý các chức danh nêu trên, hưởng lương chức vụ; lương chuyên gia cao cấp hoặc phụ cấp chức vụ lãnh đạo cao hơn thì giữ nguyên.

- Thư ký tổng hợp giúp việc chức danh đứng đầu Đảng và Nhà nước, Uỷ viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hưởng phụ cấp trách nhiệm 0,9. Thư ký hành chính các chức danh nêu trên hưởng phụ cấp trách nhiệm 0,7. Trường hợp trước khi bổ nhiệm thư ký đã hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo cao hơn thì giữ nguyên. Riêng thư ký ghi biên bản Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư thuộc Văn phòng Trung ương, được vận dụng hưởng phụ cấp trách nhiệm như thư ký của Uỷ viên Bộ Chính trị. Mức phụ cấp trách nhiệm cụ thể do Văn phòng Trung ương quyết định sau khi có thoả thuận với Ban Tổ chức Trung ương.

- Đối với nhân viên phục vụ nhà riêng các chức danh Bí thư Trung ương và tương đương trở lên; nhân viên phục vụ tại trụ sở Ban Chấp hành Trung ương được áp dụng mức phụ cấp trách nhiệm 0,3; Nhân viên trực tiếp phục vụ nhà nghỉ cán bộ lão thành cách mạng Trung ương được áp dụng mức phụ cấp trách nhiệm 0,2.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm:

- Thực hiện phụ cấp kiêm nhiệm trách nhiệm đối với Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên ở tổ chức cơ sở: công ty nhà nước, đơn vị sự nghiệp, nơi có chỉ tiêu biên chế chuyên trách nhưng hoạt động kiêm nhiệm thì được hưởng bằng 10% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thâm niên vượt khung (nếu có).

- Đối với tổ chức Đảng, đoàn thể cơ sở công ty nhà nước, đơn vị sự nghiệp chưa đủ điều kiện bố trí biên chế chuyên trách nhưng có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng thì Bí thư đảng uỷ, trưởng đoàn thể được vận dụng phụ cấp kiêm nhiệm trách nhiệm bằng 5% hoặc 7% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và thâm niên vượt khung (nếu có), do cấp trên trực tiếp quản lý quyết định, trên cơ sở đề nghị của tổ chức đảng, đoàn thể cơ sở.

- Đối với cán bộ lãnh đạo thuộc cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, giữ các chức danh lãnh đạo (bầu cử, bổ nhiệm) kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo

đúng đầu cơ quan khác (không cùng hệ thống tổ chức), việc áp dụng phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chức năng nhà nước.

4. Phụ cấp ưu đãi nghề:

Đối với cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác kiểm tra Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng thuộc uỷ ban kiểm tra đảng các cấp từ Trung ương đến huyện được áp dụng phụ cấp ưu đãi nghề. Mức phụ cấp và cách tính cụ thể áp dụng như cán bộ, công chức chuyên ngành thanh tra Chính phủ cùng cấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo đúng quy định bảo đảm sự thống nhất trong cả nước, các cơ quan Đảng, Mặt trận, các đoàn thể ở Trung ương và địa phương cần thực hiện như sau:

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận trực thuộc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy theo đúng quy định. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và khối lượng công việc của từng đơn vị. Trên cơ sở đó bố trí cán bộ, công chức cho phù hợp.

Thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo nội dung công việc đảm nhiệm và tiêu chuẩn của ngạch hoặc chức danh. Lập bảng và báo cáo kết quả chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo mẫu quy định của Liên bộ, gửi cơ quan cấp trên trực tiếp kiểm tra, tổng hợp.

2. Các cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới theo quy định chung của nhà nước để chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, chuyển xếp lương cũ sang lương mới; xét duyệt, tổng hợp kết quả và giải quyết những vướng mắc trong quá trình chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo thẩm quyền. Xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi trả để thực hiện chế độ tiền lương mới theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Căn cứ kết quả xét duyệt chuyển xếp lương cũ sang lương mới, Thủ trưởng cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể Trung ương, thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ ra quyết định chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý hoặc có văn bản đề nghị (kèm theo bản sao quyết định xếp lương cũ gần nhất) gửi về Ban Tổ chức Trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ để xem xét quyết định xếp lương cũ sang lương mới theo phân cấp hiện hành.

3. Theo uỷ quyền của Ban Bí thư Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể, thống nhất giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển xếp lương cũ sang

lương mới, đồng thời báo cáo Ban chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương Nhà nước, Ban Bí thư Trung ương những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Mức lương mới và các chế độ phụ cấp được tính hưởng từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Hướng dẫn này thay thế các văn bản trước đây về chuyển xếp lương và phụ cấp của Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan đến tiền lương cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

Trong quá trình thực hiện các cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban Tổ chức Trung ương để nghiên cứu giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Lưu VP, Vụ CSCB.

K/T TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Đức Hạc

**BẢNG CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI
ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO ĐẢNG, MẶT TRẬN
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG.**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 36 HD/TCTW ngày 27/01/2005).

-----000-----

I. Các chức danh lãnh đạo quy định 1 mức lương:

STT	Chức danh	Hệ số lương cũ + % tái cử	Hệ số mới
1	Tổng Bí thư	10,00 + % tái cử (nếu có)	13,00
2	Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư	9,50 + % tái cử (nếu có)	12,00

II. Các chức danh lãnh đạo quy định 2 bậc lương:

STT	Chức danh	Bậc 1		Bậc 2	
		Hệ số lương cũ	Hệ số lương mới	Hệ số lương cũ + % tái cử (nếu có)	Hệ số lương mới
1	Ủy viên Bộ Chính trị	9,50	11,10	9,50 + % tái cử	11,70
2	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	8,78	11,10	8,78 + % tái cử	11,70
3	Bí thư Trung ương	8,78	10,40	8,78 + % tái cử	11,00
4	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra				
5	Trưởng ban Đảng	8,20	9,70	8,20 + % tái cử	10,30
6	Chánh Văn phòng Trung ương và tương đương.				
7	Trưởng đoàn thể Trung ương				
8	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Mặt trận Tổ quốc.	8,20	9,70	8,20 + % tái cử	10,30

Ghi chú:

Các chức danh lãnh đạo Đảng, Mặt trận và các đoàn thể đã xếp lương cũ theo bảng lương chức vụ tương đương Trưởng ban Đảng, được chuyển xếp sang lương mới như đối với Trưởng ban Đảng Trung ương.

**BẢNG CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI
ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO (BẦU CỬ, BỔ NHIỆM)
CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ THUỘC DIỆN
XẾP LƯƠNG MỚI THEO NGẠCH BẠC CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH VÀ HƯỞNG
PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO.**

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 36 HD/TCTW ngày 27/01/2005).

-----000-----

I. Ở Trung ương:

STT	Chức danh	Hệ số lương cũ theo lương chức vụ bầu cử	Hệ số lương mới				
			Ngạch (Mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới + phụ cấp chức vụ		
					Hệ số lương	Hệ số phụ cấp	Tổng hệ số lương và phụ cấp chức vụ
1	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương	7,80	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 6	8,00	1,30	9,30
2	Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương	7,30	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 5	7,64	1,30	8,94
3	Phó Chủ tịch các đoàn thể Trung ương		Chuyên viên cao cấp (01001)			1,25	8,89
4	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương		Chuyên viên cao cấp (01001)			1,25	
5	Phó Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan Trung ương	6,50	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 8	6,78	1,10	7,88
6	Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên		Chuyên viên chính (01002)				

II. Ở tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung cấp tỉnh)

1. Đô thị loại đặc biệt Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.							
1	Ủy viên Thường vụ Thành ủy	7,10	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 4	7,28	1,20	8,48
2	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thành phố	7,10	Chuyên viên cao cấp (01001)			1,20	
3	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	6,50	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 8	6,78	1,20	7,98
4	Trưởng ban Đảng và tương đương	6,20	Chuyên viên chính (01002)			1,00	7,78
5	Trưởng đoàn thể Thành phố	6,20	Chuyên viên chính (01002)			1,00	
6	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy	5,80	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 7	6,44	0,80	7,24

7	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thành phố	5,80	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 7	6,44	0,80	7,24
8	Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Thành phố	5,50	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 6	6,10	0,90	7,00
9	Phó đoàn thể Thành phố					0,80	6,90
10	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy					0,70	6,80
11	Phó Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan Thành phố	4,60	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 3	5,08	0,75	5,83

2. Đô thị loại I, các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương

1	Bí thư Tỉnh ủy	7,80	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 6	8,00	1,30	9,30
2	Phó Bí thư	7,30	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 5	7,64	1,25	8,89
3	Ủy viên Thường vụ	6,20	Chuyên viên cao cấp (01001)	Bậc 2	6,56	1,05	7,61
4	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	6,20	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 8	6,78	1,05	7,83
5	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	5,80	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 7	6,44	1,05	7,49
6	Trưởng ban Đảng tỉnh và tương đương	5,50	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 6	6,10	0,90	7,00
7	Trưởng đoàn thể tỉnh		Chuyên viên chính (01002)			0,90	
8	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra	5,20	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 5	5,76	0,70	6,46
9	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	5,20	Chuyên viên chính (01002)			0,70	
10	Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh	5,20	Chuyên viên chính (01002)			0,80	
11	Phó đoàn thể tỉnh	4,90	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 4	5,42	0,70	6,12
12	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy		Chuyên viên chính (01002)			0,60	
13	Phó Bí thư Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh	4,30	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 3	5,08	0,65	5,73

III/ Ở cấp huyện:

1. Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại II (gọi tắt là đô thị loại II)

1	Bí thư	6,40	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 8	6,78	1,05	7,83
2	Phó Bí thư	5,90	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 7	6,44	0,90	7,34

3	Ủy viên Thường vụ	5,00	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 5	5,76	0,70	6,46
4	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	5,00	Chuyên viên chính (01002)			0,70	
5	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	4,50	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 3	5,08	0,70	5,78
6	Trưởng ban Đảng và tương đương	4,30	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 3		0,50	5,58
7	Trưởng các đoàn thể	4,30				0,50	
8	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	4,00	Chuyên viên (01003)	Bậc 8	4,65	0,30	4,95
9	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	4,00	Chuyên viên (01003)			0,30	
10	Phó các đoàn thể	3,80	Chuyên viên (01003)			0,30	
11	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,80	Chuyên viên (01003)			0,25	4,90

2. Thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại III, quận thuộc Hà Nội; quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là đô thị loại III).

1	Bí thư	5,80	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 7	6,44	0,90	7,34
2	Phó Bí thư	5,20	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 5	5,76	0,80	6,56
3	Ủy viên Thường vụ	4,30	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 3	5,08	0,65	5,73
4	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	4,30	Chuyên viên chính (01002)			0,65	
5	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	4,00	Chuyên viên (01003)	Bậc 8	4,65	0,65	5,30
6	Trưởng ban Đảng và tương đương	3,80	Chuyên viên (01003)			0,40	5,05
7	Trưởng các đoàn thể	3,80	Chuyên viên (01003)			0,40	
8	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,60	Chuyên viên (01003)	Bậc 7	4,32	0,25	4,57
9	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	3,60	Chuyên viên (01003)			0,25	
10	Phó các đoàn thể	3,40	Chuyên viên (01003)			0,25	
11	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,40	Chuyên viên (01003)			0,20	4,52

3. Huyện, thị xã và các quận còn lại (gọi là huyện).

1	Bí thư	5,20	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 5	5,76	0,80	6,56
2	Phó Bí thư	4,90	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 4	5,42	0,70	6,12
3	Ủy viên Thường vụ	4,00	Chuyên viên chính (01002)	Bậc 2	4,74	0,60	5,34
4	Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	4,00	Chuyên viên (01003)	Bậc 8	4,65	0,60	5,25
5	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,70	Chuyên viên (01003)	Bậc 7	4,32	0,60	4,92

6	Trưởng ban Đảng và tương đương	3,50	Chuyên viên (01003)	Bậc 7	4,32	0,30	4,62
7	Trưởng các đoàn thể	3,50	Chuyên viên (01003)			0,30	
8	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,30	Chuyên viên (01003)	Bậc 6	3,99	0,20	4,19
9	Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc	3,30	Chuyên viên (01003)			0,20	
10	Phó các đoàn thể	3,10	Chuyên viên (01003)			0,20	
11	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng	3,10	Chuyên viên (01003)			0,15	4,14

Ghi chú:

- Đối với cán bộ trước khi xếp lương chức vụ bầu cử đã được xếp lương chuyên môn ngạch cao hơn, thì được lấy ngạch, bậc lương chuyên môn làm cơ sở chuyển xếp sang lương mới.

- Bảng chuyển xếp số 2 này chỉ có giá trị dùng để chuyển xếp lương cũ sang lương mới tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2004 đối với các chức danh hưởng lương chức vụ bầu cử. Trường hợp các chức danh hưởng lương chức vụ bầu cử sau ngày 01 tháng 10 năm 2004 thì thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng.